

Bản án số:534/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh

2. Bà Lương Viễn Tú

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 06 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 148/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ 106A/122 đường LQ, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Sơn Thị Đ, sinh năm 1978; địa chỉ 106A/122 đường LQ, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Trần Thanh T trình bày:

Ông Trần Thanh T và bà Sơn Thị Đ tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 21/10/2003 đã thành niên. Trong quá trình chung sống, ông và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bà Đ có mối quan hệ với người khác nhiều năm nay, ông đã cho bà Đ cơ hội nhiều lần để hàn gắn gia đình và vì sợ con gái ông bị tổn thương nhưng bà

Đ không hề thay đổi, vẫn duy trì mối quan hệ với người đàn ông khác, bỏ mặc không quan tâm đến cảm nhận của chồng con. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với bà Sơn Thị Đ.

Về con chung: Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, theo kết quả xác minh Công an Phường 3, Quận 11 cho biết bà Sơn Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 106A/122 LQ, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và đang thực tế cư trú tại địa chỉ tên. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn – bà Sơn Thị Đ đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như không có văn bản phản hồi cho Tòa án; do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Sơn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Sơn Thị Đ, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bà Đ hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ

Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đều đã được tổng đạt, niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong cả hai lần hòa giải, cũng như cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bị đơn - bà Sơn Thị Đ đều vắng mặt mà không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 01/8/2022. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyền số 01/2003, đăng ký ngày 17/01/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Sơn Thị Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì giữa ông T và bà Đ đã phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà Đ đã có quan hệ khác không quan tâm đến chồng con nhiều năm và cả hai đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, trong đó có văn bản thể hiện rõ các yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng bà Đ không hề có ý kiến phản hồi và việc không đến Tòa án tham gia vào việc giải quyết vụ án cũng thể hiện rằng bà Đ không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nguyên nhân trên cho thấy, quan điểm sống của vợ chồng ông T và bà Đ không phù hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Đ là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh T được ly hôn bà Sơn Thị Đ.

Về con chung: có một con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 21/10/2003 đã thành niên.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Thanh T và bà Sơn Thị Đ được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh T ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Sơn Thị Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2003 không còn giá trị).

2. Về con chung: có một con chung tên Trần Gia N , sinh ngày 21/10/2003 đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Thanh T và bà Sơn Thị Đ được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0020130 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, Quận 11;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 5, Quận 11;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Thu Thủy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Thu Thủy